

Bản án số: 03/2023/ KDTM -ST
Ngày: 23/3/2023
V/v : Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

2. Ông Phạm Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Phương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2022/TLST - KDTM ngày 04/11/2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST- KDTM ngày 03/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST - KDTM ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Công ty TNHH NP (Việt Nam).**

Địa chỉ trụ sở: Số 14 đường 3A, khu công nghiệp B II, phường Long BT, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ee Soon H - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 14 đường 3A, khu công nghiệp B II, phường Long BT, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo giấy ủy quyền ngày 25/3/2022). (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K (gọi tắt là Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K).

Địa chỉ: Số 4/170 Nguyễn H, phường Ng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, theo lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vụ án có nội dung như sau:

Công ty NP được thành lập năm 1994, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công

ty TNHH một thành viên đăng ký lần đầu vào ngày 06/7/1994; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/01/2017; Địa chỉ trụ sở chính của công ty: Số 14, đường 3A, KCN B II, phường Long BT, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông EE SOON H - Chức danh: Tổng giám đốc. Ngành nghề kinh doanh của công ty sản xuất, buôn bán các mặt hàng về sơn. Việc kinh doanh của công ty nhằm mục đích lợi nhuận.

Ngày 01/3/2021, Công ty NP ký hợp đồng mua bán số 007/2021/KD - North và phụ lục hợp đồng kinh tế số 007/2021/KD - North - 21 với Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K. Theo nội dung của hợp đồng Công ty NP bán cho Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K các sản phẩm sơn do Công ty NP sản xuất hoặc phân phối. Quy định về quan hệ kinh doanh và thời hạn, mua các sản phẩm, giao các sản phẩm, bán các sản phẩm, hạn mức tín dụng - thời hạn tín dụng, điều kiện thanh toán - chiết khấu thanh toán và nhiệm vụ của mỗi bên đã được quy định rõ tại hợp đồng mua bán và phụ lục hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K, giữa công ty NP và Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K nhiều lần trao đổi mua bán hàng hóa sản phẩm sơn cụ thể theo các hóa đơn giá trị gia tăng như sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007183 ngày 29/3/2021 với tổng số tiền 10.883.400đ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007184 ngày 29/3/2021 với tổng số tiền 14.124.000đ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007185 ngày 29/3/2021 với tổng số tiền 126.518.700đ. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007186 ngày 29/3/2021 với tổng số tiền 131.926.300đ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007188 ngày 29/3/2021 với tổng số tiền 257.237.200đ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007191 ngày 29/3/2021 với tổng số tiền 51.948.600đ.

Tổng số tiền Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K mua sơn của Công ty NP là 592.638.200đ. Về chi tiết hàng hóa dịch vụ được thể hiện trong các hóa đơn giá trị gia tăng. Việc mua bán hàng hóa nêu trên đã được hai bên ký kết bảng xác nhận công nợ theo đó tính đến ngày 31/3/2021 Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K còn nợ Công ty NP số tiền là 592.638.200đ. Đến tháng 9 năm 2021 hai bên lại ký xác nhận công nợ theo đó Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K còn nợ Công ty NP số tiền là 386.672.652đ (Lý do đến tháng 9 năm 2021 hộ kinh doanh Phạm Ngọc K còn nợ lại Công ty NP số tiền nêu trên là do: Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K đã trả công ty số tiền 30.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản cộng với số tiền đối trừ chiết khấu thương quý I năm 2021 là 175.965.548, vì vậy số tiền nợ chỉ còn 386.672.652đ).

Từ tháng 9 năm 2021, Công ty NP đã cử nhân viên nhiều lần đến tận nơi kinh doanh của hộ ông K để yêu cầu trả nợ nhưng Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K không trả tiền cho công ty. Công ty NP cũng nhiều lần có thư nhắc nợ đối với Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K nhưng vẫn không có kết quả. Do Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K không trả tiền cho công ty, vì vậy vào tháng 3 năm 2022 công ty đã tiến hành thu hồi hàng hóa để cân trừ công nợ. Số tiền thu hồi hàng hóa là 299.796.000đ và truy thu tiền thưởng chiết khấu thương mại tháng 3 và quý I năm 2021 trên tổng số hàng hóa thu hồi. Cụ thể số tiền truy thu thưởng là 100.653.993đ. Từ tháng 3 năm 2022 đến nay Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K đã trả cho Công ty số tiền mua hàng là 20.000.000đ (trả vào ngày 13/01/2023), còn

nợ công ty tổng số tiền là 169.784.645đ, cộng với số tiền chi phí vận chuyển hàng thu hồi về kho là 1.127.000đ. Tổng số tiền nợ là: 170.911.645đ.

Tại đơn khởi kiện Công ty NP yêu cầu ông Phạm Ngọc K – chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K thanh toán số tiền mua bán hàng hóa còn nợ lại là 188.657.645đ và lãi suất chậm trả tạm tính từ ngày 13/5/2021 đến 25/3/2022 với lãi suất 9%/năm số tiền là 14.903.954đ. Tổng số tiền gốc và lãi suất chậm trả Công ty NP yêu cầu ông Phạm Ngọc K - chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K phải trả là 203.561.599đ. Tuy nhiên đến nay ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K đã trả cho công ty số tiền 20.000.000đ nợ gốc, do vậy Công ty NP thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu hộ kinh doanh Phạm Ngọc K phải trả cho công ty NP số tiền mua hàng còn nợ lại là 167.530.645đ và tiền lãi là 9%/năm trên tổng số tiền 167.530.645đ tính từ ngày 15/5/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 22 tháng với số tiền là 27.642.566đ (công ty chỉ yêu cầu Tòa án tính tròn 22 tháng tiền lãi chậm trả) và không yêu cầu hộ kinh doanh Phạm Ngọc K phải trả số tiền 1.127.000đ chi phí vận chuyển thu hồi hàng hóa về kho.

2. Bị đơn ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có văn bản trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương xác định bị đơn ông Phạm Ngọc K - chủ hộ Hộ kinh doanh Phạm Ngọc K vẫn sinh sống tại địa chỉ số 4/170 Nguyễn Hữu Cầu, phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương là nơi đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên hiện anh K đi làm thỉnh thoảng mới về nhà.

Tòa án cũng đã lấy lời khai của bố đẻ anh K là ông Phạm Văn Nạp và vợ anh K là chị D đều xác định các văn bản Tòa án gửi cho anh Phạm Ngọc K - chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K gia đình đều nhận được và thông báo cho anh K nhưng do anh K đi làm công việc bận nên không đến Tòa án tham gia tố tụng được.

Ông N bố đẻ anh K trình bày: Anh K có đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể và có mua sơn của Công ty NP về làm ăn kinh doanh. Quá trình làm ăn do chưa thu hồi được công nợ nên anh Phạm Ngọc K - chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K chưa thu xếp trả được tiền cho công ty, đề nghị Công ty NP cho hộ kinh doanh Phạm Ngọc K thời gian thu xếp trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ lại là 167.530.645đ và tiền lãi suất chậm trả trên số tiền mua hàng còn nợ lại là 167.530.645đ tính từ ngày 15/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 22 tháng 09 ngày (đề nghị tính tròn 22 tháng) với mức lãi suất 9%/năm bằng số tiền là 27.642.556. **Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là: 195.173.201đ.**

Bị đơn ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005; Luật phí, lệ phí. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty NP: Buộc ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH NP (Việt Nam) số tiền mua hàng còn nợ lại là: **167.530.645đ và tiền lãi suất chậm trả là 27.642.556đ**. Tổng cộng là: **195.173.201đ**. Sau thời điểm xét xử, ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K không trả được các khoản tiền nêu trên thì phải trả lãi chậm trả cho công ty NP theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Phạm Ngọc K - chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả Công ty NP số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- **Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:** Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền mua bán hàng hóa còn nợ lại. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và hoạt động vì mục đích lợi nhuận nên xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có trụ sở tại số 4/170 Nguyễn Hữu C, phường Ngọc C, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 188.657.645đ (trong đó bao gồm: 187.530.645đ tiền mua hàng còn nợ lại và 1.127.000đ tiền thuê xe chở hàng hóa thu hồi về kho) và số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn với lãi suất 9%/năm tính từ ngày 13/5/2021 đến ngày khởi kiện trên tổng số tiền 188.657.645đ. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện do bị đơn đã trả một phần khoản nợ và đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ lại là 167.530.645đ và số tiền lãi suất chậm trả tính trên số tiền mua hàng còn nợ lại là 167.530.645đ với lãi suất 9%/năm tính từ ngày 15/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Việc

thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện, có lợi hơn cho bị đơn nên được HĐXX chấp nhận.

- **Về sự vắng mặt của bị đơn:** Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- **Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 167.530.645đ đồng phát sinh trong quá trình mua bán hàng hóa của nguyên đơn thấy:**

Hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng mua bán được nguyên đơn, bị đơn giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Sau khi giao kết hợp đồng nguyên đơn đã bán cho bị đơn các sản phẩm sơn theo các hóa đơn giá trị gia tăng gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007183 ngày 29/3/2021 với số tiền 10.883.400đ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007184 ngày 29/3/2021 với số tiền 14.124.000đ; hóa đơn giá trị gia tăng số 0007185 ngày 29/3/2021 với số tiền 126.518.700đ; hóa đơn giá trị gia tăng số 0007186 ngày 29/3/2021 với số tiền 131.926.300đ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007188 ngày 29/3/2021 với số tiền 257.237.200đ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007191 ngày 29/3/2021 với số tiền 51.948.600đ. Tổng số tiền bị đơn mua sơn của nguyên đơn là 592.638.200đ. Theo bảng xác nhận công nợ tháng 03/2021 giữa hai bên ký kết thì tính đến ngày 31/3/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 592.638.200đ. Bảng xác nhận công nợ đến tháng 9 năm 2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 386.672.652đ (Lý do còn nợ lại số tiền nêu trên là ngày 28/5/2021 bị đơn trả nguyên đơn số tiền 10.000.000đ, ngày 01/7/2021 trả số tiền 20.000.000đ, ngoài ra nguyên đơn còn tính chiết khấu thưởng trừ nợ số tiền là 175.965.548đ.

Từ tháng 9 năm 2021, bị đơn không trả tiền mua hàng cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần có thư nhắc nợ. Do vậy nguyên đơn đã tiến hành thu hồi sản phẩm Sơn để đối trừ công nợ. Tổng số sản phẩm sơn thu hồi về trị giá 299.796.000đ. Sau khi nguyên đơn thu hồi sơn về đối trừ công nợ thì bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 86.876.652đ cộng với tiền nguyên đơn truy thu tiền thưởng thương mại tháng 3 và quý I năm 2021 trên tổng số hàng hóa đã thu hồi là 100.653.993đ. Do đó, tổng số tiền bị đơn còn nợ là: 188.657.645đ (trong đó bao gồm: 187.530.645đ tiền mua hàng và 1.127.000đ tiền chi phí vận chuyển hàng hóa thu hồi về kho của công ty).

Đến ngày 16/01/2023, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ thông qua hình thức chuyển khoản, do vậy số tiền còn nợ lại là: 168.657.645đ. Đến nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ lại là 167.530.645đ, tuy nhiên bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa trình bày quan điểm; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu khoản nợ nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không lý do và cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền còn nợ nên xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn

nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, phụ lục hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 167.530.645đ đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

- **Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn:** Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày 15/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm đối với số tiền 167.530.645đ. Căn cứ vào Điều 1 phụ lục hợp đồng kinh tế 007/2021/KD - North - 21 ký giữa hai bên có thỏa thuận về hạn mức tín dụng, thời hạn tín dụng thì thời hạn thanh toán của bị đơn là 45 ngày kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn cho bị đơn. Như vậy, theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp thì hóa đơn giá trị gia tăng số 0007191 ngày 29/3/2021 là hóa đơn cuối cùng và trong vòng 45 ngày kể từ ngày 29/3/2021, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng nhưng bị đơn không thực hiện. Do vậy, căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND Tối cao, yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn đối với số tiền 167.530.645đ kể từ ngày 15/5/2021 là có căn cứ, cần được chấp nhận. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm. Xét thấy, mức lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi hơn cho bị đơn nên được chấp nhận. Như vậy, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/3/2023) là 22 tháng 09 ngày, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả tròn 22 tháng, được tính như sau: Số tiền gốc 167.530.645 đồng x 9%/năm x 22 tháng = 27.642.556đ, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi suất chậm trả trên cho nguyên đơn.

Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả là: 195.173.201đ. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải thanh toán tiền cho nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND Tối cao; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH NP (Việt Nam) đối với ông Phạm Ngọc K - chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K.

1. Buộc ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K phải có trách

nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH NP (Việt Nam) số tiền mua hàng còn nợ lại là: **167.530.645đ** và **tiền lãi suất chậm trả là 27.642.556đ**. Tổng cộng là: **195.173.201đ** (**Một trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm linh một đồng**)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **9.758.660đ** (**Chín triệu bảy trăm năm tám ngàn sáu trăm sáu mươi đồng**). Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là **5.089.000đ** (**Năm triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng**) cho công ty TNHH NP (Việt Nam) (do ông Nguyễn Trung Thành nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001286 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH NP (Việt Nam) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Ngọc K - Chủ hộ kinh doanh Phạm Ngọc K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu